UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y — Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Y sĩ K.5B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.058	Huỳnh Thị Tiểu	Bạch	09/4/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	4.9	6.0			5.5			6.5			6.0	6.4	Trung bình khá
2	21.06.14.059	Trương Thanh	Bình	28/11/1996	Gò Công, Tiền Giang	6.9	15.3	5.0			5.5			7.0			5.8	6.4	Trung bình khá
3	21.06.14.060	Thái Duy	Cường	15/07/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	7.1	5.0			6.5			5.0			5.5	6.2	Trung bình khá
4	21.06.14.061	Phan Huy	Danh	27/03/1996	Cái Bè, Tiền Giang	7.0	3.8	5.0			5.0			8.0			6.0	6.5	Trung bình khá
5	21.06.14.065	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/07/1996	Cầu Kè, Trà Vinh	7.2	1.2	5.5			6.0			7.5			6.3	6.8	Trung bình khá
6	21.06.14.066	Đinh Thị Thanh	Hằng	21/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	7.3	6.0			5.0			6.0			5.7	6.2	Trung bình khá
7	21.06.14.067	Lý Phượng	Hằng	23/08/1993	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	3.5	5.0			5.5			5.0			5.2	6.2	Trung bình khá
8	21.06.14.069	Nguyễn Xuân	Hùng	10/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	7.4	1.2	7.5			6.0			6.5			6.7	7.1	Khá
9	21.06.14.070	Võ Huế	Hương	29/10/1996	Cầu Kè, Trà Vinh	7.5	0.0	7.0			6.0			8.0			7.0	7.3	Khá
10	21.06.14.071	Phạm Đỗ Quang	Huy	30/09/1992	Châu Thành, Tiền Giang	7.4	0.0	M			6.5			8.5			7.5	7.5	Khá
11	21.06.14.072	Võ Thị	Huyền	20/04/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.2	0.0	6.5			5.5			5.5			5.8	6.5	Trung bình khá
12	21.06.14.078	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	01/04/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	8.5	7.0			6.0			5.0			6.0	6.5	Trung bình khá
13	21.06.14.081	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	13/07/1989	Cái Bè, Tiền Giang	7.4	7.3	6.5			5.5			7.0			6.3	6.9	Trung bình khá
14	21.06.14.082	Hà Nguyễn Như	Ngọc	03/10/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.3	0.0	7.5			6.0			5.5			6.3	6.8	Trung bình khá
15	21.06.14.089	Huỳnh Thị	Phụng	29/12/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.0	2.4	5.0			6.0			7.0			6.0	6.5	Trung bình khá
16	21.06.14.092	Nguyễn Chí	Tài	09/12/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	2.4	5.5			5.5			5.5			5.5	6.2	Trung bình khá
17	21.06.14.095	Nguyễn Hoàng	Thi	07/4/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	12.2	5.0			5.5			7.0			5.8	6.3	Trung bình khá
18	21.06.14.100	Nguyễn Thị	Tỏ	10/11/1993	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	3.7	5.5			5.5			5.0			5.3	6.1	Trung bình khá
19	21.06.14.105	Nguyễn Thanh	Tuấn	19/11/1994	Tân Thạnh, Long An	6.6	9.4	5.0			5.0			7.0			5.7	6.2	Trung bình khá
20	21.06.14.106	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	03/9/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	6.1	7.0			5.5			6.5			6.3	6.6	Trung bình khá
21	21.06.14.107	Hoa Dương Trúc	Uyên	11/02/1995	Cái Bè, Tiền Giang	7.2	4.9	7.0			6.0			8.5			7.2	7.2	Khá
22	21.06.14.109	Dương Quốc	Vũ	01/09/1991	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	12.3	5.0			6.5			5.0			5.5	6.1	Trung bình khá

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016
Khoa: Dược
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy
Ngành ĐT: Dược học
Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp
Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21C

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.131	Phan Thị Tuyết	Ngân	09/04/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	6.7	6.0			4.5			6.0			5.5	6.0	Không đạt
2	21.03.14.154	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	27/10/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.4	12.2	7.0			4.0			6.0			5.7	6.1	Không đạt
3	21.03.14.159	Phạm Tuấn	Tri	12/12/1992	Bình Đại, Bến Tre	6.6	14.4	6.5			4.5			6.5			5.8	6.2	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 3 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
23	21.06.14.110	Phạm Như Ý	28/02/1995	U Minh Thượng, Kiên Giang	6.7	15.9	7.5			5.0			6.0			6.2	6.5	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 23 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	19	82.61%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	4	17.39%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y — Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Y sĩ K.5B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.056	Nguyễn Thị Thúy	An	13/05/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	12.2	5.5			4.5			8.0			6.0	6.4	Không đạt
2	21.06.14.057	Huỳnh Lê Hoàng	Ân	17/08/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.7	9.2	5.0			4.5			7.0			5.5	6.1	Không đạt
3	21.06.14.062	Huỳnh Nguyễn Duy	Đoan	04/9/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	2.4	8.0			4.0			5.5			5.8	6.4	Không đạt
4	21.06.14.064	Lê Ngọc	Giàu	12/05/1996	Tân Thạnh, Long An	6.7	14.1	6.5			4.0			5.0			5.2	6.0	Không đạt
5	21.06.14.073	Phùng Quốc	Khánh	25/05/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.6	11.0	7.5			5.5			3.0			5.3	6.0	Không đạt
6	21.06.14.074	Châu Kim	Lan	12/11/1991	Hà Tiên, Kiên Giang	6.8	1.5	M			4.0			3.5			3.8	5.3	Không đạt
7	21.06.14.075	Đỗ Võ	Linda	24/08/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	8.9	8.0			4.5			5.5			6.0	6.3	Không đạt
8	21.06.14.077	Trần Tuấn	Lợi	01/11/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.7	11.0	6.5			4.0			5.5			5.3	6.0	Không đạt
9	21.06.14.083	Nguyễn Minh	Nhân	02/7/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	6.3	6.0			5.5			3.5			5.0	5.9	Không đạt
10	21.06.14.084	Phạm Thị Tuyết	Nhi	18/02/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.7	15.2	5.5			5.0			4.5			5.0	5.9	Không đạt
11	21.06.14.085	Lưu Mạnh	Nhiên	23/10/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.7	1.3	8.5			4.0			5.0			5.8	6.3	Không đạt
12	21.06.14.086	Lê Thị Kim	Nương	19/03/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	30.5	3.5	2.5		3.5			5.0			4.0	5.3	Không đạt
13	21.06.14.093	Phan Ngọc	Thạch	27/10/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	10.1	2.0	3.5		5.0			7.0			5.2	5.9	Không đạt
14	21.06.14.098	Nguyễn Lê An	Thuận	21/08/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	10.6	5.0			4.5			6.5			5.3	6.2	Không đạt
15	21.06.14.099	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	22/12/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	5.9	8.5			4.5			6.5			6.5	6.7	Không đạt
16	21.06.14.103	Lê Hoàng	Trung	25/04/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	12.2	5.0			4.5			8.5			6.0	6.4	Không đạt
17	21.06.14.108	Phan Cẩm	Vân	00/00/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	6.1	5.0			5.5			4.5			5.0	5.9	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 17 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy Lớp học: Y sĩ K.5A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.002	Nguyễn Thị Kim	Cương	06/02/1992	Hồng Ngự, Đồng Tháp	7.9	1.3	10			7.5			9.0			8.8	8.4	Giỏi
2	21.06.14.003	Bùi Minh	Danh	15/05/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	8.2	7.0			5.5			6.0			6.2	6.6	Trung bình khá
3	21.06.14.007	Đinh Thanh	Hải	8/4/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	1.5	M			6.5			8.5			7.5	7.4	Khá
4	21.06.14.010	Phạm Thị Thu	Hiền	6/10/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.0	14.6	7.0			6.0			6.0			6.3	6.7	Trung bình khá
5	21.06.14.012	Dương Thị Diệp	Hương	9/04/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	12.2	6.0			6.0			6.5			6.2	6.6	Trung bình khá
6	21.06.14.013	Lê Chánh	Huy	12/12/1996	Tân Thạnh, Long An	6.6	8.5	6.0			6.0			5.0			5.7	6.2	Trung bình khá
7	21.06.14.016	Nguyễn A	Khương	10/8/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.6	15.3	4.0	5.0		5.0			6.5			5.5	6.1	Trung bình khá
8	21.06.14.018	Trịnh Phạm Hồng	Lan	24/11/1991	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	0.0	9.0			7.0			9.0			8.3	8.2	Giỏi
9	21.06.14.019	Ngô Thị Chúc	Linh	22/08/1996	Tân Hồng, Đồng Tháp	7.1	0.0	7.5			6.5			6.5			6.8	7.0	Khá
10	21.06.14.021	Nguyễn Lê Ngọc	Lợi	18/06/1993	Bình Đại, Bến Tre	7.6	1.5	M			7.0			8.0			7.5	7.6	Khá
11	21.06.14.022	Lê Thị Kim	Luyến	01/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.2	2.4	8.0			7.0			6.5			7.2	7.2	Khá
12	21.06.14.024	Huỳnh Thị Bích	Ngân	23/03/1996	Gò Công, Tiền Giang	6.8	4.7	6.0			5.0			8.0			6.3	6.6	Trung bình khá
13	21.06.14.025	Nguyễn Thị Thu	Ngân	29/01/1996	Côn Đảo, Bà Rịa - Vũng Tàu	6.9	0.0	6.0			6.5			6.5			6.3	6.6	Trung bình khá
14	21.06.14.026	Văng Thị Lệ	Ngân	05/6/1991	Thạnh Phú, Bến Tre	7.4	1.4	M			6.5			5.5			6.0	6.7	Trung bình khá
15	21.06.14.030	Trần Phương	Nhi	7/6/1996	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	6.8	6.6	7.0			5.5			7.5			6.7	6.8	Trung bình khá
16	21.06.14.032	Lê Thị	Phi	21/01/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.3	0.0	9.5			6.5			7.0			7.7	7.5	Khá
17	21.06.14.033	Trần Thanh	Phú	28/03/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	5.9	7.0			5.0			5.5			5.8	6.2	Trung bình khá
18	21.06.14.036	Nguyễn Thanh	Quyên	03/07/1995	Ba Tri, Bến Tre	7.0	3.7	6.5			6.0			7.0			6.5	6.8	Trung bình khá
19	21.06.14.038	Nguyễn Xuân	Sơn	20/12/1984	Gò Công Đông, Tiền Giang	7.2	1.2	9.5			8.5			5.0			7.7	7.5	Khá
20	21.06.14.039	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	02/11/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.1	4.9	5.0			5.0			5.5			5.2	6.2	Trung bình khá
21	21.06.14.040	Hồ Thị Hồng	Thảo	04/09/1992	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.0	0.0	10			7.0			8.5			8.5	8.3	Giỏi
22	21.06.14.042	Nguyễn Trần Anh	Thư	29/01/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	0.0	5.5			5.0			5.0			5.2	6.1	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
23	21.06.14.043	Trần Thị Mộng	Thùy	12/12/1996	Châu Thành, Tiền Giang	7.4	0.0	7.5			6.0			7.0			6.8	7.1	Khá
24	21.06.14.044	Huỳnh Thị Ngọc	Tiền	25/11/1993	Thăng Bình, Quảng Nam	7.9	0.0	9.0			7.0			5.5			7.2	7.6	Khá
25	21.06.14.045	Huỳnh Thị Ngọc	Trân	23/08/1996	Cái Bè, Tiền Giang	7.9	0.0	10			7.0			7.0			8.0	8.0	Giỏi
26	21.06.14.046	Dương Trọng	Trí	13/09/1996	Gò Công, Tiền Giang	7.9	0.0	10			7.0			8.0			8.3	8.1	Giỏi
27	21.06.14.047	Phạm Thị Ngọc	Trinh	30/05/1996	Châu Thành, Tiền Giang	7.0	0.0	9.0			5.5			6.0			6.8	6.9	Trung bình khá
28	21.06.14.049	Võ Thị Cẩm	Tú	12/5/1996	Bình Đại, Bến Tre	6.8	7.6	5.0			5.5			6.5			5.7	6.3	Trung bình khá
29	21.06.14.050	Lê Văn	Tưởng	16/06/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	11.4	5.0			6.0			5.5			5.5	6.2	Trung bình khá
30	21.06.14.052	Nguyễn Trà Cẩm	Vân	18/09/1990	Bình Đại, Bến Tre	7.3	0.0	7.5			7.0			6.0			6.8	7.1	Khá
31	21.06.14.161	Văn Trần Cẫm	Tú	22/11/1995	Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang	7.7	0.0	9.5			6.0			6.0			7.2	7.5	Khá

Tổng cộng danh sách này có: 31 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	16	51.61%
Giỏi	5	16.13%	TB	0	0.00%
Khá	10	32.26%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y — Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Y sĩ K.5A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.001	Nguyễn Hữu	Ân	02/03/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	10.6	5.0			4.0			6.0			5.0	5.9	Không đạt
2	21.06.14.004	Dương Phát	Đạt	16/05/1994	bệnh viện đa khoa, Tiền Giang	6.6	27.1	5.0			4.0			5.0			4.7	5.7	Không đạt
3	21.06.14.005	Phạm Võ Thùy	Dương	01/06/1994	Ấp 6. Bình Xuân, Gò Công Đông, Tiền Giang	6.4	14.6	3.5	3.5		3.5			5.0			4.0	5.2	Không đạt
4	21.06.14.009	Lê Thúy	Hằng	27/04/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	8.5	6.5			4.0			7.0			5.8	6.3	Không đạt
5	21.06.14.011	Võ Hoàng Phương	Hiếu	9/12/1996	bệnh viện đa khoa Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	6.9	14.6	7.0			4.5			7.5			6.3	6.6	Không đạt
6	21.06.14.015	Lê Tuấn	Kha	17/10/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.4	7.1	9.0			3.5			7.5			6.7	7.1	Không đạt
7	21.06.14.020	Phạm Thị Trúc	Linh	22/09/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	10.1	3.0	3.5		3.5			4.5			3.8	5.2	Không đạt
8	21.06.14.023	Đoàn Thị Ngọc	Minh	14/10/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.7	11.0	5.5			4.0			5.0			4.8	5.8	Không đạt
9	21.06.14.028	Lê Trọng	Nhân	25/05/1996	Tân Phước, Tiền Giang	6.2	27.1	2.0	6.0		4.0			2.5			4.2	5.2	Không đạt
10	21.06.14.031	Vỏ Thanh	Nhựt	7/5/1996	Mộc Hóa, Long An	6.3	4.7	5.5			6.0			4.0			5.2	5.8	Không đạt
11	21.06.14.041	Đoàn Hữu	Thiện	14/09/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.7	3.7	5.0			5.0			3.5			4.5	5.6	Không đạt
12	21.06.14.053	Nguyễn Đỗ Phước	Vinh	22/10/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.7	9.4	8.0			5.5			4.5			6.0	6.4	Không đạt
13	21.06.14.054	Trần Thị Thanh	Xuân	15/08/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	3.5	9.0			4.0			6.0			6.3	6.7	Không đạt
14	21.06.14.055	Võ Thị Ngọc	Yến	24/01/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	9.8	5.5			4.0			5.0			4.8	5.9	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 14 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy Lớp học: Y sĩ K.5C

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.111	Nguyễn Thị Mai	Chi	19/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	7.0	2.4	6.0			5.0			6.5			5.8	6.4	Trung bình khá
2	21.06.14.114	Nguyễn Thị Xuân	Đào	11/10/1995	Tháp Mười, Đồng Tháp	7.0	4.7	6.5			5.5			6.0			6.0	6.5	Trung bình khá
3	21.06.14.115	Phạm Hữu	Đức	10/02/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	1.3	9.0			7.0			8.5			8.2	7.5	Khá
4	21.06.14.117	Mai Thị Ngọc	Giàu	27/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	5.9	5.5			5.5			7.0			6.0	6.5	Trung bình khá
5	21.06.14.118	Phan Ngọc	Hân	30/05/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.4	7.3	6.0			5.0			7.0			6.0	6.2	Trung bình khá
6	21.06.14.119	Lê Thị	Hằng	23/05/1994	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	0.0	5.5			6.0			7.5			6.3	6.6	Trung bình khá
7	21.06.14.120	Nguyễn Công	Hậu	27/05/1994	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	2.4	9.0			6.5			8.0			7.8	7.4	Khá
8	21.06.14.123	Nguyễn Đức	Hơn	07/05/1993	Cái Bè, Tiền Giang	7.1	1.5	M			7.0			8.0			7.5	7.3	Khá
9	21.06.14.126	Đoàn Ngọc Khánh	Huyền	02/12/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.1	1.2	5.0			6.5			5.5			5.7	6.4	Trung bình khá
10	21.06.14.127	Phan Diễm	Huỳnh	13/11/1996	Cao Lãnh, Đồng Tháp	6.4	18.3	5.0			5.5			5.0			5.2	5.8	Trung bình
11	21.06.14.129	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	22/03/1996	TX Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	7.6	0.0	9.5			7.5			9.0			8.7	8.2	Giỏi
12	21.06.14.132	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	07/8/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	1.2	8.0			7.0			8.5			7.8	7.5	Khá
13	21.06.14.135	Nguyễn Thị Diễm	Mi	10/4/1993	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	13.4	8.5			5.0			7.5			7.0	6.9	Trung bình khá
14	21.06.14.136	Trần Thị	Mụi	04/11/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	4.9	7.0			6.0			5.0			6.0	6.4	Trung bình khá
15	21.06.14.138	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	26/02/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.9	9.8	7.0			6.0			6.0			6.3	6.6	Trung bình khá
16	21.06.14.139	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	06/07/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	20.7	9.0			5.0			7.0			7.0	6.9	Trung bình khá
17	21.06.14.140	Chung Yến	Nhi	29/09/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.5	18.3	8.5			6.5			6.0			7.0	6.8	Trung bình khá
18	21.06.14.141	Phạm Thị Yến	Nhi	25/04/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	7.1	5.0			5.5			5.0			5.2	5.9	Trung bình
19	21.06.14.143	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	12/02/1996	Châu Thành, Long An	7.2	1.2	8.0			6.5			8.5			7.7	7.5	Khá
20	21.06.14.144	Phan Thanh	Phong	23/06/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	7.7	0.0	9.5			6.5			7.0			7.7	7.7	Khá
21	21.06.14.146	Đoàn Thị Kim	Phượng	25/10/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.7	11.0	7.0			5.5			5.5			6.0	6.4	Trung bình khá
22	21.06.14.147	Võ Minh	Sang	13/09/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.7	11.0	6.5			5.0			5.0			5.5	6.1	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
23	21.06.14.150	Nguyễn Thanh	Tâm	19/02/1992	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.6	9.4	5.0			6.5			5.0			5.5	6.1	Trung bình khá
24	21.06.14.151	Nguyễn Hồng	Thắm	13/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.3	1.2	6.0			6.5			7.0			6.5	6.9	Trung bình khá
25	21.06.14.152	Dương Thị Thu	Thảo	29/05/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.2	5.1	5.0			5.5			6.0			5.5	6.4	Trung bình khá
26	21.06.14.153	Võ Thị Diễm	Thi	26/03/1996	Vĩnh Hưng, Long An	7.0	1.2	5.0			6.5			8.0			6.5	6.8	Trung bình khá
27	21.06.14.158	Nguyễn Thị Huyền	Trân	27/11/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.9	6.1	5.5			5.5			6.0			5.7	6.3	Trung bình khá
28	21.06.14.160	Nguyễn Thành	Trung	07/11/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	0.0	9.5			6.0			8.0			7.8	7.4	Khá
29	21.06.14.162	Nguyễn Kim	Tùng	03/08/1992	Gò Công, Tiền Giang	8.3	0.0	9.0			8.5			7.0			8.2	8.3	Giỏi
30	21.06.14.163	Trương Thị Thanh	Tuyền	07/10/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	7.4	0.0	9.5			5.5			7.5			7.5	7.5	Khá
31	21.06.14.164	Phạm Thanh Phương	Uyên	23/05/1994	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	6.7	7.3	5.5			5.0			5.5			5.3	6.0	Trung bình khá
32	21.06.14.166	Nguyễn Đức Thúy	Vy	26/12/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.7	22.8	6.0			5.0			8.0			6.3	6.5	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 32 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	20	62.50%
Giỏi	2	6.25%	TB	2	6.25%
Khá	8	25.00%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa).
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là Khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Y sĩ
Khoa: Y — Chuyên ngành: Y sĩ
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Y sĩ K.5C

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.121	Huỳnh Minh	Hiếu	10/10/1993	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	15.3	5.0			5.5			4.0			4.8	5.7	Không đạt
2	21.06.14.122	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	04/11/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	4.9	6.0			5.5			4.0			5.2	6.1	Không đạt
3	21.06.14.128	Nguyễn Anh	Khoa	15/03/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	6.3	5.0			6.5			3.0			4.8	5.7	Không đạt
4	21.06.14.131	Huỳnh Khánh	Linh	24/11/1996	Tân Phước Tiền Giang	6.9	9.8	5.5			4.0			6.5			5.3	6.1	Không đạt
5	21.06.14.154	Lê Huỳnh	Thư	15/07/1985	Thanh Bình, Đồng Tháp	6.9	3.0	M			5.5			4.5			5.0	6.0	Không đạt
6	21.06.14.155	Ngô Thị Diễm	Thúy	01/03/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.8	9.8	3.0	3.0		5.0			4.5			4.2	5.5	Không đạt
7	21.06.14.156	Nguyễn Văn	Tiến	03/06/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	2.4	7.0			4.5			7.5			6.3	6.6	Không đạt
8	21.06.14.165	Nguyễn Thị	Viện	26/09/1994	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	18.8	4.0	6.0		4.0			5.0			5.0	5.8	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 8 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016
Khoa: Y
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy
Ngành ĐT: Y sĩ
Chuyên ngành: Y sĩ
Lớp học: Y sĩ K.5D

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.170	Nguyễn Minh	Chánh	13/03/1996	Gò Công, Tiền Giang	6.7	18.3	3.5	7.0		5.0			6.5			6.2	6.5	Trung bình khá
2	21.06.14.172	Phạm Thị Kim	Dạn	27/04/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	8.2	5.0			5.0			8.5			6.2	6.6	Trung bình khá
3	21.06.14.173	Cao Thị Trúc	Đào	27/07/1996	Vĩnh Hưng, Long An	7.4	2.4	1.0	8.5		6.0			6.5			7.0	7.2	Khá
4	21.06.14.175	Nguyễn Thị Phương	Dung	11/01/1990	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	0.0	M			7.0			7.0			7.0	7.2	Khá
5	21.06.14.176	Lê Thị Thanh	Hằng	23/05/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	2.5	6.0			6.0			8.0			6.7	6.9	Trung bình khá
6	21.06.14.181	Nguyễn Ngọc	Kiểm	01/12/1996	Chợ Lách, Bến Tre	6.6	11.8	1.0	5.0		5.5			7.0			5.8	6.2	Trung bình khá
7	21.06.14.182	Nguyễn Thị	Lài	29/04/1996	Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	6.4	9.4	5.5			6.0			8.5			6.7	6.6	Trung bình khá
8	21.06.14.185	Trần Bảo	Luân	25/05/1990	Cái Bè, Tiền Giang	6.9	6.5	5.5			5.0			8.0			6.2	6.6	Trung bình khá
9	21.06.14.186	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	00/00/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.2	2.9	5.0			6.5			7.0			6.2	6.7	Trung bình khá
10	21.06.14.187	Phan Thị Tuyết	Mai	05/01/1996	Cao Lãnh, Đồng Tháp	6.4	7.1	3.5	5.5		5.0			5.5			5.3	5.9	Trung bình
11	21.06.14.190	Đinh Lê Kim	Ngân	17/05/1996	Phụng Hiệp, Hậu Giang	6.8	5.9	1.0	5.0		5.0			6.5			5.5	6.2	Trung bình khá
12	21.06.14.191	Đinh Thị Kim	Ngân	28/03/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	1.2	4.0	8.0		5.0			6.0			6.3	6.5	Trung bình khá
13	21.06.14.192	Nguyễn Lê Ngọc	Ngân	20/01/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	17.1	3.0	7.0		5.0			6.0			6.0	6.5	Trung bình khá
14	21.06.14.197	Lê Thị Quỳnh	Như	11/03/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.4	13.4	1.5	6.0		5.5			5.0			5.5	6.0	Trung bình khá
15	21.06.14.200	Nguyễn Thị Trúc	Phương	13/12/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	1.2	5.0			6.5			6.5			6.0	6.4	Trung bình khá
16	21.06.14.201	Lê Thị Kim	Quyên	19/05/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.6	12.9	3.0	5.5		5.5			5.0			5.3	6.0	Trung bình khá
17	21.06.14.202	Phan Huy	Thành	08/09/1994	TP Bến Tre, Bến Tre	6.7	11.8	3.5	5.0		5.0			7.0			5.7	6.2	Trung bình khá
18	21.06.14.204	Trần Thị Kim	Thoa	04/04/1996	Giồng Trôm, Bến Tre	6.6	9.4	1.0	6.5		5.0			5.5			5.7	6.2	Trung bình khá
19	21.06.14.207	Phạm Thị Cẩm	Tiên	15/11/1995	Châu Thành, Bến Tre	6.7	11.8	3.0	6.5		6.0			5.5			6.0	6.4	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
20	21.06.14.212	Nghê Ngọc	Xuân	12/05/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	15.9	5.0			5.5			5.0			5.2	5.9	Trung bình
21	21.06.14.213	Trần Mỹ	Xuyên	22/01/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.6	17.6	1.0	5.5		5.5			5.0			5.3	6.0	Trung bình khá
22	21.06.14.214	Cao Thị Yến	Nhi	26/03/1996	Tháp Mười, Đồng Tháp	6.3	18.8	.5	5.0		5.0			5.5			5.2	5.8	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: 22 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	17	77.27%
Giỏi	0	0.00%	TB	3	13.64%
Khá	2	9.09%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016
Khoa: Y
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Ngành ĐT: Y sĩ
Chuyên ngành: Y sĩ
Lớp học: Y sĩ K.5D

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.168	Lê Thị Mỹ	An	26/11/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.7	12.9	1.5	5.0		4.0			6.5			5.2	6.0	Không đạt
2	21.06.14.169	Nguyễn Thị Bích	Châm	28/03/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.3	23.5	1.0	5.0		5.0			2.5			4.2	5.3	Không đạt
3	21.06.14.171	Hồ Minh	Công	10/08/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.8	7.1	8.0			6.5			4.5			6.3	6.6	Không đạt
4	21.06.14.174	Võ Tấn	Đạt	19/02/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.3	26.8	1.0	7.0		4.5			5.0			5.5	5.9	Không đạt
5	21.06.14.188	Huỳnh Thị	Mến	13/05/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	8.5	3.0	7.0		5.5			3.5			5.3	6.0	Không đạt
6	21.06.14.189	Đào Thị Thúy	Nga	06/03/1996	Bình Đại, Bến Tre	6.4	10.6	2.5	6.0		4.0			6.5			5.5	6.0	Không đạt
7	21.06.14.194	Phan Thị Bích	Ngọc	03/02/1996	Tân Thạnh, Long An	6.4	21.2	2.5	8.5		4.5			5.0			6.0	6.2	Không đạt
8	21.06.14.196	Ngô Thị Anh	Nguyệt	01/03/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.8	6.1	5.0			4.5			8.0			5.8	6.3	Không đạt
9	21.06.14.198	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	24/09/1995	Ba Tri, Bến Tre	6.4	10.6	3.0	5.0		4.5			7.0			5.5	6.0	Không đạt
10	21.06.14.203	Trương Thanh	Thiện	27/10/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	6.1	4.0	7.0		5.5			4.0			5.5	6.2	Không đạt
11	21.06.14.211	Nguyễn Quốc	Việt	18/10/1992	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	20.0	4.0	6.0		4.5			5.0			5.2	6.0	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 11 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y — Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Y sĩ K.CT7

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.04.14.001	Nguyễn Tú	Anh	30/09/1996	Mỏ Cày Nam, Bến Tre	6.9	14.1	5.0			5.5			5.5			5.3	6.1	Trung bình khá
2	21.04.14.002	Trương Minh Loan	Anh	13/11/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.7	0.0	5.5			7.5			8.5			7.2	7.5	Khá
3	21.04.14.045	Nguyễn Thái	Bảo	12/05/1996	Ba Tri, Bến Tre	6.8	8.2	5.0			5.0			5.5			5.2	6.0	Trung bình khá
4	21.04.14.004	Đào Thị Kim	Cưng	03/09/1983	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.5	2.4	3.5	5.0		6.5			7.5			6.3	6.9	Trung bình khá
5	21.04.14.005	Nguyễn Phú	Cường	07/6/1992	Cái Bè, Tiền Giang	7.4	9.4	6.0			6.0			5.5			5.8	6.6	Trung bình khá
6	21.04.14.054	Huỳnh Thanh	Danh	09/04/1995	Tân Phước, Tiền Giang	6.9	7.5	3.5	5.0		5.5			5.5			5.3	6.1	Trung bình khá
7	21.04.14.046	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	21/06/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.3	11.8	6.0			6.5			7.0			6.5	6.9	Trung bình khá
8	21.04.14.009	Lê Minh	Dũng	29/11/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	3.5	5.0			6.5			7.5			6.3	6.7	Trung bình khá
9	21.04.14.007	Nguyễn Huỳnh Vương	Điền	01/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	14.1	5.0			5.0			7.0			5.7	6.3	Trung bình khá
10	21.04.14.008	Võ Liễu	Điền	24/04/1993	Tân Phú Đông, Tiền Giang	6.9	10.6	5.0			5.0			6.5			5.5	6.2	Trung bình khá
11	21.04.14.010	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	14/11/1985	Gò Công Tây, Tiền Giang	8.0	0.0	7.5			8.0			9.5			8.3	8.2	Giỏi
12	21.04.14.013	Lê Quốc	Huy	02/08/1989	Cai Lậy, Tiền Giang	7.3	2.9	M			6.5			6.0			6.3	6.8	Trung bình khá
13	21.04.14.057	Ngô Minh	Huy	28/02/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.5	3.5	6.0			5.5			5.0			5.5	6.5	Trung bình khá
14	21.04.14.014	Phạm Nguyễn Minh	Huy	06/12/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	4.3	M			5.5			5.0			5.3	6.2	Trung bình khá
15	21.04.14.012	Nguyễn Thị Thiên	Hương	04/03/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.6	8.2	5.0			5.0			5.0			5.0	5.8	Trung bình
16	21.04.14.052	Mai Xuân	Khoa	02/01/1992	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.4	4.3	5.0			7.5			8.5			7.0	7.2	Khá
17	21.04.14.015	Huỳnh Minh	Khôi	02/10/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	17.6	5.0			6.5			8.0			6.5	6.8	Trung bình khá
18	21.04.14.016	Ngô Thị Thùy	Linh	23/01/1995	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.9	10.6	7.5			6.0			8.0			7.2	7.1	Khá
19	21.04.14.019	Nguyễn Thành	Long	04/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	10.6	7.0			5.0			5.0			5.7	6.3	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
20	21.04.14.023	Lưu Thị Mỹ	Ngọc	09/02/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.3	8.2	9.0			6.5			7.0			7.5	7.4	Khá
21	21.04.14.048	Trần Thị Minh	Nguyệt	27/01/1996	Bình Đại, Bến Tre	6.8	15.3	6.5			5.0			5.0			5.5	6.2	Trung bình khá
22	21.04.14.026	Nguyễn Thị	Nhịn	30/11/1981	Chợ Gạo, Tiền Giang	8.4	0.0	9.0			7.0			8.0			8.0	8.2	Giỏi
23	21.04.14.027	Trương Minh	Nhựt	11/10/1988	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.5	8.2	5.0			5.5			7.0			5.8	6.7	Trung bình khá
24	21.04.14.053	Nguyễn Hồng	Phúc	02/11/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	5.1	5.5			5.5			5.5			5.5	6.3	Trung bình khá
25	21.04.14.028	Đinh Thị Trúc	Phương	25/01/1982	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.6	3.5	5.0			7.0			9.0			7.0	7.3	Khá
26	21.04.14.030	Ngũ	Qui	31/03/1989	Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh	7.2	4.3	M			5.5			8.5			7.0	7.1	Khá
27	21.04.14.033	Tôn Trần Quang	Thái	29/02/1996	Cái Bè, Tiền Giang	7.2	7.1	7.5			7.0			7.5			7.3	7.3	Khá
28	21.04.14.058	Châu Hoàng Phương	Thảo	06/04/1996	Châu Thành, Long An	7.1	9.4	4.0	6.0		5.5			5.0			5.5	6.3	Trung bình khá
29	21.04.14.034	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	07/09/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.7	1.2	6.5			6.5			7.0			6.7	7.2	Khá
30	21.04.14.035	Huỳnh Long	Thuận	16/11/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.0	21.2	3.0	5.5		5.0			6.5			5.7	6.4	Trung bình khá
31	21.04.14.037	Nguyễn Phan Thùy	Trang	28/03/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.3	7.1	3.5	7.0		6.5			8.0			7.2	7.3	Khá
32	21.04.14.039	Nguyễn Trần Trung	Trực	16/06/1995	Bình Đại, Bến Tre	6.6	12.9	3.0	5.0		5.5			5.0			5.2	5.9	Trung bình
33	21.04.14.043	Lê Sĩ	Văn	28/03/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	8.2	5.0			5.0			7.0			5.7	6.3	Trung bình khá
34	21.04.14.044	Phạm Nguyễn Tường	Vi	02/01/1996	Châu Thành, Bến Tre	7.4	9.4	5.0			5.5			5.5			5.3	6.4	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 34 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	21	61.76%
Giỏi	2	5.88%	TB	2	5.88%
Khá	9	26.47%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016
Khoa: Y
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy
Ngành ĐT: Y sĩ
Chuyên ngành: Y sĩ
Lớp học: Y sĩ K.CT7

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.04.14.003	Nguyễn Thanh	Bạch	18/11/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	10.6	3.5	5.0		4.5			7.5			5.7	6.2	Không đạt
2	21.04.14.047	Ngô Thị Ngọc	Diệp	23/10/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.1	7.1	6.5			7.0			4.5			6.0	6.6	Không đạt
3	21.04.14.020	Trần Minh	Mẫn	16/08/1993	TP.Bến Tre, Bến Tre	6.8	7.6	6.5			4.5			5.5			5.5	6.2	Không đạt
4	21.04.14.042	Phạm Hoàng	Tuấn	01/04/1996	Châu Thành, Bến Tre	6.5	20.0	4.0	5.0		4.5			5.0			4.8	5.7	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 4 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y — Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Y sĩ K.DP7

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.05.14.005	Bùi Phương	Hoàng	12/02/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	5.7	5.5			6.5			6.5			6.2	6.4	Trung bình khá
2	21.05.14.006	Nguyễn Minh	Hùng	01/08/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	10.7	8.5			6.0			7.5			7.3	7.1	Khá
3	21.05.14.054	Nguyễn Lê Anh	Khoa	26/01/1992	TX Gò Công, Tiền Giang	7.8	0.0	10			7.5			8.0			8.5	8.2	Giỏi
4	21.05.14.009	Nguyễn Thị Trúc	Linh	26/12/1996	Cái Bè, Tiền Giang	7.0	6.9	3.5	5.5		6.0			5.0			5.5	6.3	Trung bình khá
5	21.05.14.010	Trần Nguyễn Tiểu	Mi	02/02/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	6.9	4.0	5.0		6.0			5.0			5.3	6.1	Trung bình khá
6	21.05.14.048	Phạm Duy	Minh	17/11/1993	Giồng Trôm, Bến Tre	7.4	4.6	8.0			7.0			8.5			7.8	7.6	Khá
7	21.05.14.050	Dương Thị Mộng	Nghi	06/07/1996	Mỏ Cày Nam, Bến Tre	6.8	4.6	8.5			6.0			7.5			7.3	7.1	Khá
8	21.05.14.014	Nguyễn Thảo	Nguyên	26/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	6.9	9.0			7.5			7.0			7.8	7.2	Khá
9	21.05.14.043	Lê Trọng	Nhân	30/03/1994	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.3	10.5	5.0			5.5			6.5			5.7	6.0	Trung bình khá
10	21.05.14.049	Trần Thị Mai	Phương	22/10/1996	Châu Thành, Bến Tre	7.2	4.6	8.0			7.5			5.5			7.0	7.1	Khá
11	21.05.14.022	Nguyễn Nhật	Tân	10/08/1996	Tân Thạnh, Long An	7.5	1.1	9.0			7.5			7.0			7.8	7.7	Khá
12	21.05.14.023	Phạm Thái Duy	Tân	16/04/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	20.7	8.5			6.0			5.0			6.5	6.5	Trung bình khá
13	21.05.14.026	Nguyễn Thị Kim	Thoa	01/10/1996	Trà Vinh	7.2	0.0	9.0			7.0			8.5			8.2	7.7	Khá
14	21.05.14.029	Lê Bùi Kiều Mỹ	Tiên	14/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.3	23.0	8.5			6.0			6.5			7.0	6.7	Trung bình khá
15	21.05.14.031	Huỳnh Thị Thùy	Trang	19/02/1996	Châu Thành, Long An	6.3	25.3	8.0			5.0			5.5			6.2	6.3	Trung bình khá
16	21.05.14.032	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/4/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	5.7	8.5			6.5			6.0			7.0	6.9	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
17	21.05.14.033	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	04/01/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.3	3.4	9.0			6.5			6.5			7.3	7.3	Khá
18	21.05.14.037	Võ Thế	Vinh	29/06/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.3	0.0	8.0			6.5			5.0			6.5	6.9	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 18 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	9	50.00%
Giỏi	1	5.56%	TB	0	0.00%
Khá	8	44.44%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Y sĩ
Khoa: Y — Chuyên ngành: Y sĩ
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Y sĩ K.DP7

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.05.14.003	Hứa Văn	Đạt	14/08/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	5.7	4.0	0.0		6.0			5.5			5.2	6.0	Không đạt
2	21.05.14.004	Phan Thị Mỹ	Hạnh	01/12/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.6	12.6	2.5	4.0		6.0			5.0			5.0	5.8	Không đạt
3	21.05.14.039	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	08/02/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.5	17.2	2.0	2.5		7.0			6.0			5.2	5.9	Không đạt
4	21.05.14.016	Nguyễn Thị Ý	Nhi	10/02/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	23.0	5.5			4.5			6.0			5.3	6.1	Không đạt
5	21.05.14.019	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	24/04/1994	Châu Thành, Bến Tre	6.5	16.0	8.5			5.5			4.5			6.2	6.4	Không đạt
6	21.05.14.020	Đoàn Tấn	Tài	19/09/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.8	1.2	8.0			6.0			4.5			6.2	6.5	Không đạt
7	21.05.14.021	Trần Thanh	Tâm	02/02/1994	Thạnh Hóa, Long An	7.1	6.9	9.5			6.5			3.5			6.5	6.8	Không đạt
8	21.05.14.024	Ngô Thị Thu	Thảo	05/07/1992	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.6	7.2	M			6.0			4.5			5.3	6.0	Không đạt
9	21.05.14.028	Đỗ Á	Tiên	30/01/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.4	17.2	8.0			6.5			2.5			5.7	6.1	Không đạt
10	21.05.14.058	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	20/07/1996	Châu Thành, Long An	6.3	8.0	6.0			4.0			5.0			5.0	5.7	Không đạt
11	21.05.14.035	Huỳnh Thị Cẩm	Vân	16/11/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	9.2	8.0			5.0			4.5			5.8	6.3	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 11 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ